

Số: 1082/QĐ-UBND

Nhuận Phú Tân, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025**  
**xã Nhuận Phú Tân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHUẬN PHÚ TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân phê chuẩn báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân năm 2025.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 246/TTr-PKT ngày 10 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 xã Nhuận Phú Tân (Kèm theo các phụ lục công khai).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy xã;
- UBMTTQVN xã;
- TT HĐND, TT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Các trưởng ấp trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Vũ

## QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Trọng đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>130.043.729.287</b>	<b>169.230.174.561</b>	<b>39.186.445.274</b>	<b>130,13%</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>5.219.000.000</b>	<b>11.740.173.851</b>	<b>6.521.173.851</b>	<b>224,95%</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.569.000.000	1.346.241.111	-222.758.889	85,80%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	3.650.000.000	10.393.932.740	6.743.932.740	284,77%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>117.311.194.000</b>	<b>149.976.465.423</b>	<b>32.665.271.423</b>	<b>127,84%</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	96.481.000.000	100.397.722.151	3.916.722.151	104,06%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	20.830.194.000	49.578.743.272	28.748.549.272	238,01%
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>7.513.535.287</b>	<b>7.513.535.287</b>		<b>100,00%</b>
<b>VI</b>	<b>Thu ngân sách cấp dưới nộp lên</b>				
<b>VII</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>VIII</b>	<b>Thu từ các khoản huy động đóng góp</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>130.043.729.287</b>	<b>169.230.174.561</b>	<b>39.186.445.274</b>	<b>130,13%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>129.538.729.287</b>	<b>150.999.347.806</b>	<b>21.460.618.519</b>	<b>116,57%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	100.000.000		-100.000.000	
2	Chi thường xuyên	128.906.729.287	150.999.347.806	22.092.618.519	117,14%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	532.000.000		-532.000.000	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>505.000.000</b>	<b>104.468.292</b>	<b>-400.531.708</b>	<b>20,69%</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	505.000.000	104.468.292	-400.531.708	20,69%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>18.126.358.463</b>	<b>18.126.358.463</b>	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Từ nguồn vay để trả nợ gốc</b>				
<b>II</b>	<b>Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh</b>				
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Vay để bù đắp bội chi</b>				
<b>II</b>	<b>Vay để trả nợ gốc</b>				
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	<b>Vay Ngân hàng Phát triển</b>				
<b>II</b>	<b>Vay vốn ODA</b>				

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
-	Thu thuế, lệ phí, phí và các khoản thu khác			
-	Thu viện trợ			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Bổ sung cân đối ngân sách			
-	Bổ sung có mục tiêu			
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư			
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
6	Thu từ cấp dưới nộp lên			
7	Thu huy động đóng góp			
8	Thu vay của ngân sách cấp tỉnh (Vay ODA để bù đắp bội chi)			
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh			
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm, kết dư ngân sách cấp tỉnh</b>			
<b>IV</b>	<b>Bội chi NSDP/Kết dư NSDP</b>			
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH XÃ</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>130.043.729.287</b>	<b>169.230.174.561</b>	<b>130,13</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	5.219.000.000	11.740.173.851	224,95
-	Thu thuế, lệ phí, phí và các khoản thu khác	5.219.000.000	11.740.173.851	224,95
-	Thu viện trợ	0		
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	117.311.194.000	149.976.465.423	127,84
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	96.481.000.000	100.397.722.151	104,06
-	Thu bổ sung có mục tiêu	20.830.194.000	49.578.743.272	238,01
3	Thu kết dư	0		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	7.513.535.287	7.513.535.287	100,00
5	Thu từ cấp dưới nộp lên	0		
6	Thu huy động đóng góp	0		
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>130.043.729.287</b>	<b>169.230.174.561</b>	<b>130,13</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	130.043.729.287	151.103.816.098	116,19
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		18.126.358.463	
<b>III</b>	<b>Kết dư</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)</b>	5.219.000.000	12.732.535.287	27.303.939.209	26.852.699.041	523,16%	210,90%
A	<b>TỔNG THU CÁN ĐỐI NSNN</b>	5.219.000.000	5.219.000.000	19.790.403.922	19.339.163.754	379,20%	370,55%
I	<b>Thu nội địa</b>	5.219.000.000	5.219.000.000	19.790.403.922	19.339.163.754	379,20%	370,55%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			90.596.200	90.596.200		
	- Thuế giá trị gia tăng			38.891.450	38.891.450		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			51.704.750	51.704.750		
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.360.000.000	1.360.000.000	8.678.816.067	8.678.816.067	638,15%	638,15%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.360.000.000	1.360.000.000	8.404.810.480	8.404.810.480	618,00%	618,00%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			270.317.608	270.317.608		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên			3.687.979	3.687.979		
	- Thu từ khí thiên nhiên						
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.290.000.000	2.290.000.000	2.451.064.350	2.451.064.350	107,03%	107,03%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	390.000.000	390.000.000	1.735.621.207	1.735.621.207	445,03%	445,03%
8	Thu phí, lệ phí	761.000.000	761.000.000	901.306.175	827.207.500	118,44%	108,70%
	- Phí và lệ phí trung ương			74.098.675			
	- Phí và lệ phí tỉnh			18.000.000	18.000.000		
	- Phí và lệ phí huyện				69.850.000		
	- Phí và lệ phí xã, phường	761.000.000	761.000.000	739.357.500	739.357.500	97,16%	97,16%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	38.000.000	38.000.000	29.609.968	29.609.968	77,92%	77,92%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			3.676.000	3.676.000		
12	Thu tiền sử dụng đất			5.399.831.554	5.399.831.554		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thu từ thu nhập sau thuế						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thu khác						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	380.000.000	380.000.000	499.882.401	122.740.908	131,55%	32,30%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>						
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam						
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Thu khác						
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>						
<b>B</b>	<b>THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH</b>						
<b>C</b>	<b>THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC</b>						
<b>D</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>		7.513.535.287	7.513.535.287	7.513.535.287		100%

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>130.043.729.287</b>	<b>169.230.174.561</b>	<b>130,13%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÁN ĐỔI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>129.538.729.287</b>	<b>150.999.347.806</b>	<b>116,57%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>100.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	100.000.000	0	0,00%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
-	Chi lĩnh vực kinh tế	100.000.000	0	0,00%
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>128.906.729.287</b>	<b>150.999.347.806</b>	<b>117,14%</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	75.754.363.023	72.005.598.829	95,05%
2	Chi khoa học và công nghệ		401.424.500	
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>532.000.000</b>		
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>505.000.000</b>	<b>104.468.292</b>	<b>20,69%</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>505.000.000</b>	<b>104.468.292</b>	<b>20,69%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	505.000.000	87.109.152	17,25%
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025	0	17.359.140	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025			
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>			
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>		<b>18.126.358.463</b>	

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI CẤP XÃ</b>	<b>130.043.729.287</b>	<b>169.230.174.561</b>	<b>39.186.445.274</b>	<b>130,13%</b>
<b>A</b>	<b>CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>				
<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC</b>	<b>130.043.729.287</b>	<b>151.103.816.098</b>	<b>21.060.086.811</b>	<b>116,19%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>100.000.000</b>		<b>-100.000.000</b>	
1	Chi đầu tư cho các dự án	100.000.000		-100.000.000	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế	100.000.000		-100.000.000	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi đầu tư khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>129.411.729.287</b>	<b>151.103.816.098</b>	<b>21.692.086.811</b>	<b>116,76%</b>
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	75.754.363.023	72.005.598.829	-3.748.764.194	95,05%
-	Chi khoa học và công nghệ		401.424.500	401.424.500	
-	Chi quốc phòng	1.967.806.000	1.787.949.120	-179.856.880	90,86%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.258.182.900	1.915.754.240	-342.428.660	84,84%
-	Chi y tế, dân số và gia đình		436.573.800	436.573.800	
-	Chi văn hóa thông tin	133.290.000	74.730.904	-58.559.096	56,07%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	32.040.000	27.904.000	-4.136.000	87,09%
-	Chi thể dục thể thao	32.040.000	1.759.000	-30.281.000	5,49%
-	Chi bảo vệ môi trường	154.000.000	29.999.000	-124.001.000	19,48%
-	Chi các hoạt động kinh tế	306.720.000	348.827.955	42.107.955	113,73%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	46.386.612.078	56.090.406.668	9.703.794.590	120,92%
-	Chi bảo đảm xã hội	1.375.838.180	17.420.243.760	16.044.405.580	1266,15%
-	Chi thường xuyên khác	1.010.837.106	562.644.322	-448.192.784	55,66%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>532.000.000</b>		<b>-532.000.000</b>	

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		18.126.358.463	18.126.358.463	

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>130.043.729.287</b>		<b>130.043.729.287</b>	<b>169.230.174.561</b>		<b>169.230.174.561</b>	<b>130,13%</b>		<b>130,13%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>129.538.729.287</b>		<b>129.538.729.287</b>	<b>150.999.347.806</b>		<b>150.999.347.806</b>	<b>116,57%</b>		<b>116,57%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>100.000.000</b>		<b>100.000.000</b>						
1	Chi đầu tư cho các dự án	100.000.000		100.000.000						
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
-	Chi khoa học và công nghệ									
-	Chi các hoạt động kinh tế	100.000.000		100.000.000						
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết									
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
3	Chi đầu tư phát triển khác									
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>128.906.729.287</b>		<b>128.906.729.287</b>	<b>150.999.347.806</b>		<b>150.999.347.806</b>	<b>117,14%</b>		<b>117,14%</b>
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	75.754.363.023		75.754.363.023	72.005.598.829		72.005.598.829	95,05%		95,05%
2	Chi khoa học và công nghệ				401.424.500		401.424.500			
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>									

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Dự phòng ngân sách	532.000.000		532.000.000						
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
B	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	505.000.000		505.000.000	104.468.292		104.468.292	20,69%		20,69%
I	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	505.000.000		505.000.000	104.468.292		104.468.292	20,69%		20,69%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	505.000.000		505.000.000	87.109.152		87.109.152	17,25%		17,25%
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025				17.359.140		17.359.140			
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025									
II	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>									
C	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				18.126.358.463		18.126.358.463			



**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>	100.000.000																	
1	Phòng Kinh tế	100.000.000																	

**QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỒ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi an ninh và Chi quốc phòng, trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	Số sánh (%)	
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>	163.668.418.084	150.541.171.776	72.005.598.829	401.424.500	1.787.949.120	1.915.754.240	436.573.800	74.730.904	27.904.000	1.759.000	29.999.000	348.827.955	182.366.000	107.254.272	56.090.406.668	17.420.243.760		91,98%
1	Văn phòng Đảng ủy xã	6.523.865.325	6.130.998.036		16.850.000											6.114.148.036			93,98%
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	6.792.881.818	6.269.637.541													6.269.637.541			92,30%
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	48.100.447.646	46.665.066.967			1.787.949.120	1.915.754.240									42.109.076.427	852.287.180		97,02%
4	Phòng Kinh tế	7.113.371.772	3.480.241.667																
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	18.243.940.500	16.574.975.284	603.371.000	384.574.500			436.573.800	74.730.904	27.904.000	1.759.000		29.999.000	348.827.955	182.366.000	107.254.272	1.499.602.212	1.601.812.500	48,93%
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	18.738.000	18.024.452													79.918.000	14.966.144.080		90,85%
7	Trường Mầm non Tân Thanh Tây	4.419.226.270	4.055.443.161	4.055.443.161												18.024.452			96,19%
8	Trường Mầm non Khánh Thanh Tân	3.846.755.702	3.663.064.651	3.663.064.651															91,77%
9	Trường Mầm non Nhuận Phú Tân	4.319.153.872	3.823.007.882	3.823.007.882															95,22%
10	Trường Tiểu học Nhuận Phú Tân 1	9.307.955.742	8.641.436.346	8.641.436.346															88,51%
11	Trường Tiểu học Nhuận Phú Tân 2	5.837.711.509	5.811.333.186	5.811.333.186															92,84%
12	Trường Tiểu học Khánh Thanh Tân 1	6.828.219.558	6.122.114.548	6.122.114.548															99,55%
13	Trường Tiểu học Khánh Thanh Tân 2	6.645.870.803	5.704.294.093	5.704.294.093															89,66%
14	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh	13.321.867.069	13.009.000.977	13.009.000.977															85,83%
15	Trường THCS Nguyễn Văn Xiểu	10.137.943.191	9.299.213.525	9.299.213.525															97,65%
16	Trường TH và THCS Võ Thị Giàu	12.210.469.307	11.273.319.460	11.273.319.460															91,73%
																			92,33%

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THUỞNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Dự toán năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>163.668.418.084</b>	<b>95.654.229.624</b>	<b>4.841.840.509</b>	<b>63.380.868.511</b>	<b>208.520.560</b>	<b>150.541.171.776</b>	<b>13.127.246.308</b>	<b>7.162.037.372</b>	<b>5.965.208.936</b>
1	Văn phòng Đảng ủy xã	6.523.865.325	4.595.208.996	584.137	1.928.072.192		6.130.998.036	392.867.289	19.525.518	373.341.771
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	6.792.881.818	4.477.746.860	17.626.371	2.385.466.600	87.958.013	6.269.637.541	523.244.277	27.311.000	495.933.277
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	48.100.447.646	14.400.992.144	8.932.470	33.690.523.032		46.665.066.967	1.435.380.679	114.255.078	1.321.125.601
4	Phòng Kinh tế	7.113.371.772	715.420.000		6.397.951.772		3.480.241.667	3.633.130.105	2.836.317.708	796.812.397
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	18.243.940.500	846.615.000		17.397.325.500		16.574.975.284	1.668.965.216	1.370.707.200	298.258.016
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	18.738.000			18.738.000		18.024.452	713.548		713.548
7	Trường Mầm non Tân Thanh Tây	4.419.226.270	3.809.786.450	210.311.887	519.050.480	119.922.547	4.055.443.161	363.783.109	303.947.482	59.835.627
8	Trường Mầm non Khánh Thạnh Tân	3.846.755.702	3.217.783.041	386.432.124	243.180.537	640.000	3.663.064.651	183.691.051	159.638.151	24.052.900
9	Trường Mầm non Nhuận Phú Tân	4.319.153.872	3.698.581.939	509.783.199	110.788.734		3.823.007.882	496.145.990	463.838.574	32.307.416
10	Trường Tiểu học Nhuận Phú Tân 1	9.307.955.742	8.790.751.043	282.193.283	235.011.416		8.641.436.346	666.519.396	598.789.891	67.729.505
11	Trường Tiểu học Nhuận Phú Tân 2	5.837.711.509	5.583.030.075	248.081.434	6.600.000		5.811.333.186	26.378.323	8.106.345	18.271.978
12	Trường Tiểu học Khánh Thạnh Tân 1	6.828.219.558	5.985.946.542	775.797.330	66.475.686		6.122.114.548	706.105.010	676.627.460	29.477.550
13	Trường Tiểu học Khánh Thạnh Tân 2	6.645.870.803	5.847.597.155	792.273.648	6.000.000		5.704.294.093	941.576.710	121.333.189	820.243.521
14	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh	13.321.867.069	13.012.477.241	193.659.828	115.730.000		13.009.000.977	312.866.092	28.344.944	284.521.148
15	Trường THCS Nguyễn Văn Xiểu	10.137.943.191	9.580.703.191	395.569.708	161.670.292		9.299.213.525	838.729.666	433.294.832	405.434.834
16	Trường TH và THCS Võ Thị Giàu	12.210.469.307	11.091.589.947	1.020.595.090	98.284.270		11.273.319.460	937.149.847		937.149.847



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÃ NHUẬN PHÚ TÂN NĂM 2025  
(Kèm theo Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

STT	Tên đơn vị	Dự toán																							Quyết toán										So sánh (%)										Đơn vị: đồng		
		Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn																	
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó																
			Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi đầu tư phát triển		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thương xuyên		Chi đầu tư phát triển	Chi thương xuyên		Chi đầu tư phát triển	Chi thương xuyên		Chi đầu tư phát triển	Chi thương xuyên			Chi đầu tư phát triển	Chi thương xuyên	Chi đầu tư phát triển		Chi thương xuyên	Chi đầu tư phát triển			Chi thương xuyên																
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=12/1	24=13/2	25=14/3	26=15/4	27=16/5	28=17/6	29=18/7	30=19/8	31=20/9	32=21/10	33=22/11													
	TỔNG SỐ																																														
1	Xã Nhuận Phú Tân	130.043.729.287	100.000.000			129.438.729.287	75.754.363.023		505.000.000		505.000.000		169.230.174.561				150.999.347.806	72.805.598.829	401.424.500	104.468.292		104.468.292		18.126.358.463	130,13%				116,66%	95,05%		20,69%		20,69%													



**QUYẾT TOÁN CHI BỔ SONG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

STT	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán						So sách (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu							
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách			Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước														Vốn ngoài nước	Vốn trong nước				Vốn ngoài nước
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	<b>TỔNG SỐ</b>	151.692.308.395	101.664.272.123	50.028.036.272		50.028.036.272		41.193.834.000	505.000.000	149.976.465.423	100.397.722.151	49.578.743.272		49.578.743.272		40.888.934.000	505.000.000	98,87%	98,75%	99,10%	99,10%	99,10%	99,26%	99,26%	100%
1	XÃ NHUẬN PHÚ TÂN	151.692.308.395	101.664.272.123	50.028.036.272		50.028.036.272		41.193.834.000	505.000.000	149.976.465.423	100.397.722.151	49.578.743.272		49.578.743.272		40.888.934.000	505.000.000	98,87%	98,75%	99,10%	99,10%	99,10%	99,26%	99,26%	100%



**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó				
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyên sang	Thu từ kết dư năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ</b>						
1	Xã Nhuận Phú Tân	169.230.174.561	11.740.173.851	100.397.722.151		7.513.535.287	



**QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

STT	Nội dung	Dự toán											Quyết toán											So sánh (%)											Đơn vị: đồng		
		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025				Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025				CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025			Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025				Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025				CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025										
			Dầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Dầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Dầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Dầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số										
A	B	1+3+2	2+5+8+11	3+6+9+12	4+5+6	5	6	7+8+9	8	9	10+11+12	11	12	13+14+15	14+17+20+23	15+18+21+24	16+17+18	17	18	19+20+21	20	21	22+23+24	23	24	25-31/1	26+14/2	27+15/3	28+16/4	29+17/5	30+18/6	31+19/7	32+20/8	33+21/9	34+22/10	35+23/11	36+24/12
	TỔNG SỐ	1.071.000.000	1.071.000.000	535.000.000		535.000.000	536.000.000			536.000.000			104.468.292	104.468.292	87.109.152	87.109.152	17.359.140		17.359.140			17.359.140			25-31/1	9,75%	13,21%	16,28%	34,16%	3,24%	3,24%						
1	Phòng Kinh tế	791.000.000	791.000.000	255.000.000		255.000.000	536.000.000			536.000.000			104.468.292	104.468.292	87.109.152	87.109.152	17.359.140		17.359.140			17.359.140			25-31/1	9,75%	13,21%	16,28%	34,16%	3,24%	3,24%						
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	280.000.000	280.000.000	280.000.000		280.000.000																			25-31/1												

**QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư									Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				SO SÁNH (%)			
					Tổng mức đầu tư được duyệt									Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn							
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước	NSTW	NSDP		Ngoài nước	NSTW	NSDP		Ngoài nước	NSTW	NSDP		Ngoài nước	NSTW	NSDP		Ngoài nước	NSTW	NSDP								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28				
	<b>TỔNG CỘNG</b>					9.100.000.000			5.950.000.000					100.000.000			100.000.000	100.000.000															
	Phòng Kinh tế					9.100.000.000			5.950.000.000					100.000.000			100.000.000	100.000.000															
	Đường ĐC.06 (đoạn 2) (đoạn từ ĐN.11 - ĐC.06) xã Nhuận Phú Tân	xã NPT		2026-2028	2025/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	4.500.000.000			1.350.000.000					30.000.000			30.000.000	30.000.000															
	Xây dựng cầu Kinh (trên đường ĐX.02 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình cũ), xã Nhuận Phú Tân	xã NPT		2026-2028	2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	3.000.000.000			3.000.000.000					30.000.000			30.000.000	30.000.000															
	Xây dựng Bến phà tạm tại Bến phà cũ (chờ khi kêu gọi đầu tư Bến phà mới theo quy hoạch)	xã NPT		2026-2028	2023/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	1.600.000.000			1.600.000.000					40.000.000			40.000.000	40.000.000															

**TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO XÃ QUẢN LÝ NĂM 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Biểu mẫu số 63



STT	Tên quỹ	Dự nguồn đến ngày 31/12/2024	Kế hoạch năm 2025				Thực hiện năm 2025				Đơn vị: đồng
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ vì người nghèo		300.000.000		300.000.000	-	330.045.499		30.036.000	300.009.499	300.009.499
2	Quỹ đền ơn đáp nghĩa						14.050.359			14.050.359	14.050.359
	<b>Tổng</b>	-	<b>300.000.000</b>	-	<b>300.000.000</b>	-	<b>344.095.858</b>	-	<b>30.036.000</b>	<b>314.059.858</b>	<b>314.059.858</b>

Biểu mẫu số 64

**TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025  
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**

(Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)



Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>7.259.932.000</b>	<b>6.633.255.038</b>	<b>91,37%</b>
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.537.852.000	6.093.694.578	93,21%
	- Sự nghiệp giáo dục	6.537.852.000	6.093.694.578	93,21%
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
7	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	722.080.000	539.560.460	74,72%



## BÁO CÁO THUYẾT MINH

**Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;  
quyết toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1082 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-STC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao chi tiết số điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của xã Nhuận Phú Tân (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp.

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước xã Nhuận Phú Tân;

Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2025 trên địa bàn xã đạt những kết quả như sau:

### I. KẾT QUẢ THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

Trong năm tình hình thu ngân sách xã Nhuận Phú Tân thực hiện đạt và vượt dự toán.

1. Thu ngân sách trên địa bàn: **19.790.403.922 đồng**. Trong đó:

- Thu ngân sách trung ương 451.240.168 đồng.
- Thu thuộc ngân sách cấp tỉnh: 7.598.989.903 đồng.
- Thu ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp: 11.740.173.851 đồng.

2. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025: **169.230.174.561 đồng** (gồm phần thu chuyển giao bổ sung cho xã là 149.976.465.423 đồng) đạt 165,42% so với dự toán tỉnh giao (102.305.000.000 đồng), đạt 130,13% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định (130.043.729.287 đồng), gồm:



2.1. Thu ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp: 11.740.173.851 đồng, đạt 224,95% dự toán tỉnh giao (5.219.000.000 đồng), đạt 224,95% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định.

- Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%: 1.346.241.111 đồng, cụ thể:

+ Thu từ Lệ phí trước bạ: 419.778.541 đồng/390.000.000 đồng, đạt 107,64% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này thu đạt và vượt dự toán do thực tế phát sinh tại địa phương.

+ Thu từ phí, lệ phí: 809.207.500 đồng/761.000.000 đồng, đạt 106,33% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này thu đạt và vượt dự toán do thực tế phát sinh tại địa phương.

+ Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 29.034.196 đồng/38.000.000 đồng, đạt 76,41% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định.

+ Thu khác ngân sách: 88.220.874 đồng/380.000.000 đồng, đạt 23,22% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 10.393.932.740 đồng, cụ thể:

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 8.675.128.088 đồng/1.360.000.000 đồng, đạt 637,88% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này đạt và vượt dự toán do khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp một số doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã nộp thuế thuộc ngân sách xã được hưởng theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Bên cạnh đó, cơ quan Thuế triển khai đồng bộ các giải pháp thu thuế; tiếp tục đẩy mạnh chuyên đổi số, từng bước tích hợp đưa hoạt động quản lý thuế lên môi trường số, cung cấp dịch vụ thuế dựa trên công nghệ số; mở rộng quản lý hóa đơn điện tử; vận hành tốt Cổng thông tin điện tử dành cho hộ kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế.

+ Thu từ Thuế thu nhập cá nhân: 1.718.804.652 đồng/2.290.000.000 đồng, đạt 75,06% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này không đạt dự toán là do tình hình thực tế tại địa phương mức thu nhập chịu thuế của người dân và doanh nghiệp thấp.

2.2. Thu chuyển giao ngân sách: 149.976.465.423 đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 100.397.722.151 đồng. Trong năm 2025, ngân sách tỉnh bổ sung cân đối cho xã Nhuận Phú Tân kinh phí thực hiện các nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 (lương, các khoản phụ cấp phát sinh tăng thêm so dự toán đã giao), kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2025 (bổ sung kinh phí tăng lương, phụ cấp cho các trường), kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đã thực hiện trước thời điểm sắp xếp bộ máy đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Bổ sung có mục tiêu: 49.578.743.272 đồng. Trong năm 2025, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho xã Nhuận Phú Tân thực hiện các nhiệm vụ như sau: sắp xếp đơn vị hành chính; thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; tổ chức Đại hội Đảng bộ

cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030; thực hiện tặng quà Nhân dân nhân dịp lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; thực hiện chế độ, chính sách về tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; thực hiện chính sách an sinh xã hội và chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế; kinh phí chênh lệch tăng thêm 6 tháng cuối năm 2025; tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030; mua sắm tài sản, trang thiết bị, hệ thống hạ tầng mạng phục vụ hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công và phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã; hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2025; thực hiện thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản (Hạng mục: Cống Vàm Thơm); thực hiện các chế độ chính sách 6 tháng cuối năm 2025; thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; nâng cấp, sửa chữa các trường học; tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách (chuyển đổi dữ liệu); tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp xã năm 2025; kinh phí thực hiện chuẩn bị đầu tư các dự án triển khai trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.

**2.3. Thu chuyển nguồn: 7.513.535.287 đồng**

**2.4. Thu kết dư ngân sách: 0 đồng**

## II. KẾT QUẢ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Trong năm 2025, ngân sách xã đã thực hiện các nhiệm vụ chi trong dự toán được giao, ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, giáo dục - đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất.

Tổng chi ngân sách xã: **169.230.174.561 đồng**, đạt 165,42% so với dự toán tỉnh giao (102.305.000.000 đồng), đạt 130,13% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định (130.043.729.287 đồng), cụ thể như sau:

**1. Chi đầu tư phát triển:** trong năm 2025, xã Nhuận Phú Tân chưa thực hiện giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

### **2. Chi thường xuyên**

Tổng chi: 150.999.347.806 đồng, đạt 149% so dự toán cấp trên giao (101.318.000.000 đồng) và đạt 117,14% dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định (128.906.729.287 đồng), trong đó:

Nguyên nhân chi thường xuyên trong năm tăng so với dự toán là do chi thực hiện các nhiệm vụ như sau: sắp xếp đơn vị hành chính; thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; tổ chức Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030; thực hiện tặng quà Nhân dân nhân dịp lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; thực hiện chế độ, chính sách về tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; thực hiện chính sách an sinh xã hội và chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế; kinh phí chênh lệch tăng thêm 6 tháng cuối năm 2025; tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

nhiệm kỳ 2025-2030; mua sắm tài sản, trang thiết bị, hệ thống hạ tầng mạng phục vụ hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công và phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã; hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2025; thực hiện thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản (Hạng mục: Cống Vàm Thơm); thực hiện các chế độ chính sách 6 tháng cuối năm 2025; thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; nâng cấp, sửa chữa các trường học; tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách (chuyển đổi dữ liệu); tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp xã năm 2025; kinh phí thực hiện chuẩn bị đầu tư các dự án triển khai trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 và nộ ngân sách cấp trên.

**\* Một số nội dung chi cụ thể như sau:**

- Chi quốc phòng: 1.787.949.120 đồng, đạt 90,86% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định.
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 1.915.754.240 đồng, đạt 84,84% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định.
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 72.005.598.829 đồng, đạt 95,05% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định.
- Chi sự nghiệp y tế: 436.573.800 đồng. Nguyên nhân tăng dự toán chi trong năm do ngân sách tỉnh bổ sung thực hiện chi mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng tham gia kháng chiến trên địa bàn xã.
- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: 74.730.904 đồng, đạt 56,07% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định.
- Chi sự nghiệp phát thanh: 27.904.000 đồng, đạt 87,09% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định.
- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 1.759.000 đồng, đạt 5,49% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định. Do từ khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, cấp xã không phát sinh thực hiện các hoạt động thể dục, thể thao.
- Chi sự nghiệp môi trường: 29.999.000 đồng, đạt 19,48% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định. Do từ khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, xã chưa triển khai kịp các hoạt động môi trường.
- Chi các hoạt động kinh tế: 348.827.955 đồng, đạt 113,73% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguyên nhân chi đạt và vượt dự toán do trong năm phát sinh thực hiện thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản (Hạng mục: Cống Vàm Thơm) với số tiền 107.254.272 đồng.
- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể: 56.090.406.668 đồng, đạt 120,92% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguyên nhân trong năm 2025 chi vượt dự toán là do ngân sách tỉnh bổ

sung chi sắp xếp đơn vị hành chính; thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; tổ chức Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030; thực hiện chế độ, chính sách về tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; kinh phí chênh lệch tăng thêm 6 tháng cuối năm 2025; tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030,...

- Chi bảo đảm xã hội: 17.420.243.760 đồng, đạt 1.266,16% so dự toán Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguyên nhân trong năm chi vượt dự toán là do ngân sách tỉnh chi bổ sung thực hiện tặng quà Nhân dân nhân dịp lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; thực hiện chính sách an sinh xã hội; tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026,...

- Chi thường xuyên khác (nộp ngân sách cấp trên): 562.644.322 đồng, do trong năm thực hiện nộp ngân sách cấp trên 10% chi thường xuyên 07 tháng cuối năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ với số tiền 558.726.422 đồng và kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2024 chuyển sang không sử dụng nộp trả ngân sách cấp trên 3.917.900 đồng.

**3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:** 104.468.292 đồng, bao gồm:

- Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 87.109.152 đồng.

- Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 17.359.140 đồng.

**4. Chi chuyển nguồn sang năm 2026:** 18.126.358.463 đồng.

### **III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2025, nguồn dự phòng ngân sách đã chi thực hiện cắt tĩa cây xanh trên các tuyến đường xã 367.391.920 đồng (hạch toán vào lĩnh vực quản lý hành chính).

### **IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SỬ DỤNG NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2025**

Sau khi tiếp nhận nguồn cải cách tiền lương của các xã trước khi sáp nhập chuyển sang xã Nhuận Phú Tân: 1.493.341.621 đồng. Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân thực hiện chi trả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ (02 đối tượng) với số tiền 1.493.341.000 đồng theo nội dung Công văn số 900/UBND-TH ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 còn lại cấp xã 621 đồng.

Ngoài ra, các đơn vị trường học trong năm thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025 từ 40% nguồn thu học phí 533.422.800 đồng.

### **V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**



Năm 2025, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cả hệ thống chính trị trên địa bàn xã đã tập trung thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đạt và vượt Nghị quyết năm 2025, trong đó có chỉ tiêu thu chi ngân sách. Công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã có chuyển biến tích cực; thu ngân sách vượt dự toán được giao; công tác quản lý chi ngân sách được thực hiện chặt chẽ, theo quy trình, đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội; quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cũng còn những khó khăn, hạn chế nhất định như hạn mặn ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân nhưng xã luôn được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở ngành tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ toàn hệ thống chính trị các cấp đã nỗ lực cùng xã trong thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 đạt kết quả khả quan.

Trong điều hành quản lý chi ngân sách, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ tài chính - ngân sách, ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, giáo dục và đào tạo, tập trung thực hiện các nhiệm vụ cần thiết. Ngoài ra, trong điều hành ngân sách Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên đầu năm và tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân năm 2025./.

